**LỊCH SỬ LỚP 9**

**PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

**Chủ đề 1**

**LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI**

**I. Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX.**

**1. Liên Xô.**

**a. Công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945 - 1950).**

- Đất nước Xô viết bị chiến tranh tàn phá hết sức nặng nề: hơn 27 triệu người chết, 1710 thành phố, hơn 70 000 làng mạc bị phá hủy.

- Nhân dân Liên Xô thực hiện và hoàn thành thắng lợi KH 5 năm lần thứ tư (1946-1950) trước thời hạn.

- Công nghiệp tăng 73%, một số ngành nông nghiệp vượt mức trước chiến tranh. Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử, phá vỡ thế độc quyền hạt nhân của Mĩ.

\* Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử có ý nghĩa:

- Đánh dấu sự phát triển vượt bậc về KHKT.

- Phá vỡ thế độc quyền của Mĩ.

- Tạo sức mạnh cho lực lượng CNXH.

**b. Tiếp tục xây dựng CSVC - KT của CNXH (từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX).**

- Liên Xô tiếp tục thực hiện các KH dài hạn với phương hướng chính là: phát triển KT với ưu tiên phát triển CN nặng, đẩy mạnh tiến bộ KH-KT, tăng cường sức mạnh QP.

- Kết quả:

+ SX CN bình quân hằng năm tăng 9,6%, là cường quốc CN thứ 2 TG (sau Mĩ);

+ Là nước mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của con người (năm 1957, phóng thành công vệ tinh nhân tạo; năm 1961, phóng tàu “Phương Đông” đưa con người lần đầu tiên bay vòng quanh Trái Đất).

- Về đối ngoại: Chủ trương duy trì hòa bình thế giới, quan hệ hữu nghị với các nước và ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc.

**2. Các nước Đông Âu.**

**Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu:**

- Trong CTTG thứ hai, nhờ sự giúp đỡ của Hồng quân Liên Xô, nhân dân các nước Đông Âu đã tiến hành cuộc đấu tranh chống phát xít và đã giành được thắng lợi giải phóng đất nước, thành lập các nhà nước dân chủ nhân dân (Ba Lan tháng 7 - 1944, Tiệp Khắc 5 - 1945,...).

- Riêng nước Đức bị chia cắt, với sự thành lập nhà nước Cộng hòa Liên bang Đức (9/1949), ở phía Tây và nhà nước Cộng hòa Dân chủ Đức (10 - 1949), ở phía Đông lãnh thổ.

- Từ năm 1945 - 1949, các nước Đông Âu hoàn thành nhiệm vụ của cuộc CM dân tộc dân chủ: xây dựng bộ máy chính quyền DCND, tiến hành cải cách ruộng đất, thực hiện các quyền tự do dân chủ và cải thiện đời sống nhân dân,...

**II. Liên Xô và các nước Đông Âu từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX.**

**1. Sự khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết.**

a. Bối cảnh lịch sử:

- Từ sau cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973, nhất là từ đầu những năm 80, nền KT và CT-XH của Liên Xô ngày càng rơi vào tình trạng trì trệ, không ổn định và lâm dần vào khủng hoảng. (SX đình đốn, đời sống ND khó khăn, lương thực, hàng tiêu dùng khan hiếm, tệ quan liêu, tham nhũng,...).

b. Diễn biến

- 3/1985 Goóc-ba-chốp lên nắm quyền lãnh đạo Đảng, đề ra đường lối cải tổ.

- Do thiếu chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết và thiếu một đường lối chiến lược đúng đắn, công cuộc cải tổ nhanh chóng lâm vào tình trạng bị động, khó khăn và bế tắc. Đất nước lún sâu vào khủng hoảng và rối loạn: bãi công, nhiều nước cộng hòa đòi li khai, tệ nạn xã hội gia tăng,...

c. Kết quả:

- 19/8/1991 cuộc đảo chính nhằm lật đổ Goóc-ba-chốp không thành, gây hậu quả nghiêm trọng. Đảng CS và Nhà nước LB hầu như tê liệt.

- 21/12/1991, 11 nước cộng hòa li khai, hình thành cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG). Tối 25/12/1991, Goóc-ba-chốp từ chức Tổng thống, Liên Xô bị sụp đổ sau 74 năm tồn tại.

**2. Cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu**

a. Quá trình khủng hoảng:

- Từ cuối những năm 70 và đầu những năm 80 của thế kỉ XX, các nước Đông Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế, chính trị ngày càng gay gắt.

- Tới cuối năm 1988, cuộc khủng hoảng lên tới đỉnh cao, khởi đầu từ Ba Lan sau đó lan tới các nước khác. Các cuộc mít tinh, biểu tình diễn ra dồn dập, mà mũi nhọn đấu tranh nhằm vào đảng cộng sản cầm quyền....

b. Hậu quả:

- Qua các cuộc tổng tuyển cử, các phe đối lập thắng thế, giành được chính quyền còn các đảng cộng sản đều thất bại. Chính quyền mới ở các nước Đông Âu đều tuyên bố từ bỏ CNXH, thực hiện đa nguyên về chính trị và chuyển nền kinh tế theo cơ chế thị trường với nhiều thành phần sở hữu. Tên nước thay đổi, nói chung đều là các nước cộng hòa.

- Sự sụp đổ của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu và Liên Xô chấm dứt sự tồn tại của hệ thống XHCN (ngày 28 - 6 - 1991, Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) ngừng hoạt động và ngày 1 - 7 - 1991, Tổ chức Vác-sa-va giải tán. Đây là những tổn thất hết sức nặng nề đối với phong trào cách mạng thế giới và các lực lượng dân chủ, tiến bộ ở các nước

**Chủ đề 2.**

**CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LA-TINH TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

 **I. Quá trình phát triển của phong trào giải phóng dân tộc và sự tan rã của hệ thống thuộc địa.**

**1. Giai đoạn từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX.**

- Phong trào đấu tranh được khởi đầu từ Đông Nam Á với những thắng lợi trong các cuộc đấu tranh giành chính quyền và tuyên bố độc lập ở các nước như In-đô-nê-xi-a (17/8/1945), Việt Nam (2/9/1945) và Lào (12/10/1945).

- Phong trào tiếp tục lan sang các nước Nam Á, Bắc Phi, Mĩ La-tinh như ở Ấn Độ, Ai Cập và An-giê-ri,…

+ 1960 được gọi là “Năm châu Phi” với 17 nước ở lục địa này tuyên bố độc lập.

+ Ngày 1/1/1959, cuộc cách mạng nhân dân thắng lợi ở Cu Ba.

- Kết quả là tới giữa những năm 60 của thế kỉ XX, hệ thống thuộc địa của CNĐQ về cơ bản đã bị bị sụp đổ.

**2. Giai đoạn từ giữa những năm 1960 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX.**

- Nội dung chính của giai đoạn này là thắng lợi của phong trào đấu tranh lật đổ ách thống trị của thực dân Bồ Đào Nha, giành độc lập ở ba nước: Ghi-nê Bít-xao, Mô-dăm-bích, Ăng-gô-la (vào những năm 1974 - 1975).

**3. Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX.**

- Nội dung chính của giai đoạn này là cuộc đấu tranh xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc (A-pác-thai), tập trung ở 3 nước miền Nam châu Phi là: Rô-đê-di-a, Tây Nam phi và Cộng hòa Nam phi.

- Sau nhiều năm đấu tranh ngoan cường của người da đen, chế độ phân biệt chủng tộc đã bị xóa bỏ và người da đen được quyền bầu cử và các quyền tự do khác

- Nhân dân châu Á, Phi, Mĩ La-tinh củng cố độc lập, xây dựng và phát triển đất nước để khắc phục đói nghèo.

**II. Các nước châu Á.**

**1. Tình hình chung**

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một cao trào giải phóng dân tộc đã diễn ra ở châu Á. Tới cuối những năm 50, phần lớn các nước châu Á đã giành được độc lập. Sau đó, hầu như trong suốt nửa sau thế kỉ XX, tình hình châu Á lại không ổn định (chiến tranh ở khu vực Đông Nam Á và Trung Đông; xung đột, li khai, khủng bố,…).

- Một số nước châu Á đã đạt được sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế như Trung Quốc, Hàn Quốc, Xin-ga-po,… Ấn Độ.

**2. Trung Quốc.**

**a. Sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa:**

- Ngày 01/10/1949, nước CHND Trung Hoa ra đời. Kết thúc ách thống trị hơn 100 năm của ĐQ nước ngoài và hơn 1.000 năm  của chế độ PK Trung Quốc.

- Đưa nước Trung Hoa bước vào kỷ nguyên độc lập tự do.

- Hệ thống các nước XHCN được nối liền từ Âu sang Á.

**b. Công cuộc cải cách mở cửa (từ 1978 đến nay).**

- Tháng 12/1978, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra đường lối đổi mới với chủ trương lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, thực hiện cải cách và mở cửa nhằm xây dựng Trung Quốc trở thành một quốc gia giàu mạnh, văn minh.

- Sau hơn 20 năm  cải cách - mở cửa, TQ đã thu được những thành tựu hết sức to lớn. nền kinh tế phát triển nhanh chóng, đạt tốc độ tăng trưởng lớn nhất thế giới (tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng TB hằng năm 9,6%, tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng gấp 15 lần, đời sống nhân dân được nâng cao rõ rệt).

- Về đối ngoại, TQ đã cải thiện quan hệ với nhiều nước, thu hồi chủ quyền đối với Hồng Công (1997) và Ma Cao (1999). Uy tín và vị thế ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế

**III. Các nước Đông Nam Á.**

**1. Tình hình Đông Nam Á trước và sau năm 1945:**

**- Trước năm 1945,** các nước Đông Nam Á, trừ Thái Lan, đều là thuộc địa của thực dân phương Tây.

**- Từ 1945** và kéo dài hầu như trong cả nửa sau thế kỉ XX, tình hình Đông Nam Á diễn ra phức tạp và căng thẳng. Với các sự kiện tiêu biểu:

+ Nhân dân nhiều nước Đông Nam Á đã nổi dậy giành chính quyền như ở In-đô-nê-xi-a, Việt Nam và Lào từ tháng 8 đến tháng 10/1945. Sau đó đến giữa những năm 50 của thế kỉ XX, hầu hết các nước trong khu vực đã giành được độc lập.

+ Từ năm 1950, trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, tình hình Đông Nam Á lại trở nên căng thẳng, chủ yếu do sự can thiệp của đế quốc Mĩ. Mĩ đã thành lập khối quân sự SEATO (1954) nhằm đẩy lùi ảnh hưởng của CNXH và phong trào giải phóng dân tộc đối với Đông Nam Á; tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam kéo dài tới 20 năm (1954 -1975).

**2. Sự ra đời của tổ chức ASEAN:**

- Sau khi giành được độc lập, nhiều nước Đông Nam Á ngày càng nhận thức rõ sự cần thiết phải cùng nhau hợp tác để phát triển, hạn chế sự ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực

- **Ngày 8/8/1967**, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với sự tham gia của 5 nước (In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Thái Lan và Xin-ga-po).

+ “Tuyên bố Băng Cốc” (8/1967) đã xác định mục tiêu hợp tác kinh tế, văn hóa, duy trì hòa bình, ổn định khu vực.

+ “Hiệp ước thân thiện và hợp tác Đông Nam Á” - Hiệp ước Ba-li(2/1976) xác định nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước thành viên.

- Từ đầu những năm 80 của thế kỉ XX, do “vấn đề Cam-pu-chia” quan hệ giữa các nước ASEAN và Đông Dương lại trở nên căng thẳng. Tuy nhiên, một số nền kinh tế có sự chuyển biến và tăng trưởng mạnh mẽ như Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái Lan,...

**3. Từ “**ASEAN 6**” phát triển thành “**ASEAN 10**”**

 **-** Năm1984, Brun**â**y đã trởthành thành viên thứ 6 của ASEAN

- Sau Chiến tranh lạnh, nhất là khi “vấn đề Cam-pu-chia” được giải quyết, tình hình Đông Nam Á được cải thiện, các nước lần lượt gia nhập ASEAN: Việt Nam 1995, Lào và Mi-an-ma 1997, Cam-pu-chia 1999.

- Với 10 nước thành viên, ASEAN trở thành 1 tổ chức khu vực ngày càng có uy tín với những hợp tác kinh tế (AFTA, 1992) hợp tác an ninh (Diễn đàn khu vực ARF, 1994) với sự tham gia của nhiều nước ngoài khu vực như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mĩ, Ấn Độ,...

**Cơ hội và thách thức của VN khi gia nhập**

- **Cơ hội của Việt Nam khi gia nhập ASEAN:** Tạo điều kiện cho Việt Nam phát triển tiến bộ, khắc phục được khoảng cách giữa Việt Nam với các nước trong khu vực; Hàng hoá Việt Nam có cơ hội xâm nhập thị trường các nước ĐNA và thị trường thế giới; Việt Nam có điều kiện tiếp thu công nghệ mới và cách thức quản lý mới.

- **Thách thức của Việt Nam khi gia nhập ASEAN:** Nếu Việt Nam không bắt kịp được với các nước trong khu vực sẽ có nguy cơ bị tụt hậu xa hơn về kinh tế; Có điều kiện hòa nhập với tgiới về mọi mặt nhưng dễ bị hoà tan nếu như không giữ được bản sắc dtộc.

**IV. Các nước châu Phi.**

**1. Tình hình chung**

- Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc đã diễn ra sôi nổi ở châu Phi, sớm nhất là ở Bắc Phi - nơi có trình độ phát triển hơn. Sau cuộc đảo chính lật đổ chế độ quân chủ, 18/6/1953 Cộng hòa Ai Cập ra đời. Nhân dân An-giê-ri cũng tiến hành khởi nghĩa vũ trang giành độc lập (1954 - 1962). Năm 1960 được gọi là “Năm châu Phi”, với 17 nước tuyên bố độc lập.

- Sau khi giành được độc lập, các nước châu Phi bắt tay vào xây dựng đất nước và đã thu được nhiều thành tích. Tuy nhiên, châu Phi vẫn nằm trong tình trạng đói nghèo, lạc hậu, thậm chí diễn ra các cuộc xung đột, nội chiến đẫm máu.

- Để hợp tác, giúp đỡ nhau khắc phục xung đột và nghèo đói, Tổ chức thống nhất châu Phi được thành lập, nay gọi là Liên minh châu Phi (AU).

**2. Cộng hoà Nam Phi:**

a. Khái quát: Nằm ở cực Nam châu Phi. Diện tích 1,2 triệu km2. Dân số 43,6 triệu người (2002), trong đó 75,2% da đen. Năm 1961, Cộng hoà Nam Phi ra đời.

b. Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Cộng hoà Nam Phi:

- Trong hơn 3 thế kỉ, chính quyền thực dân da trắng thực hiện chế độ phân biệt chủng tộc tàn bạo với người Nam Phi.

- Dưới sự lãnh đạo của “Đại hội dân tộc Phi” (ANC), người da đen đấu tranh kiên trì chống chủ nghĩa A-pac-thai. Năm 1993, chế độ phân biệt chủng tộc được tuyên bố xóa bỏ.

- Tháng 4/1994, Nen-xơn Man-đê-la được bầu và trở thành vị Tổng thống người da đen đầu tiên ở Nam Phi.

- Nhân dân Nam Phi đang tập trung sức phát triển kinh tế và xã hội nhằm xóa bỏ *“*chế độ A-pac-thai về kinh tế”

**V. Các nước Mĩ La-tinh.**

**1. Những nét chung:**

- Khác với châu Á và châu Phi, nhiều nước ở Mĩ La-tinh đã giành được độc lập từ những thập niên đầu thế kỉ XIX: Bra-xin, Vênêxuêla... Nhưng sau đó lại rơi vào vòng lệ thuộc và trở thành “sân sau” của ĐQ Mĩ.

- Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhất là từ đầu những năm 60 của TK XX, một cao trào đấu tranh đã diễn ra với mục tiêu dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Tiêu biểu là Cu-ba…được ví như “Lục địa bùng cháy”

- Các nước Mĩ La-tinh đã thu được nhiều thành tựu trong củng cố độc lập dân tộc, cải cách dân chủ,… Tuy nhiên, từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, do nhiều nguyên nhân, tình hình kinh tế, chính trị ở nhiều nước Mĩ Latinh lại gặp nhiều khó khăn, thậm chí có lúc căng thẳng. Hiện nay các nước Mĩ La-tinh đang tìm cách khắc phục và đi lên. Braxin và Mêhicô là 2 nước công nghiệp mới.

**2. Cu-ba hòn đảo anh hùng:**

**- Khái quát:** Cu-ba nằm ở vùng biển Ca-ri-bê, hình dạng giống như con cá sấu. Diện tích: 111.000 km2, dân số: 11,3 triệu người (2002).

**- Phong trào cách mạng Cu-ba**

+ Khởi đầu là cuộc tấn công vũ trang của 135 thanh niên yêu nước vào pháo đài Môn-ca-đa ngày 26/07/1953, nhân dân Cu-ba dưới sự lãnh đạo của Phi-đen Ca-xtơ-rô đã tiến hành cuộc đấu tranh nhằm lật đổ chính quyền Ba-ti-xta thân Mĩ. Ngày 1/1/1959, CM thắng lợi.

+ Sau CM, Chính phủ do Phi-đen đứng đầu đã tiến hành cuộc cải cách dân chủ triệt để: cải cách ruộng đất, quốc hữu hóa các xí nghiệp của TB nước ngoài, xây dựng chính quyền cách mạng các cấp và thanh toán nạn mù chữ, phát triển giáo dục, y tế,… Bộ mặt đất nước Cu-ba thay đổi căn bản và sâu sắc.

+ Trong nửa thế kỉ qua, nhân dân Cu-ba  đã kiên cường, bất khuất vượt qua những khó khăn to lớn do chính sách phá hoại, bao vây, cấm vận về kinh tế của Mĩ, cũng như sự tan rã của LX và hệ thống XHCN (không còn những đồng minh, nguồn viện trợ và bạn hàng buôn bán,…), Cu-ba vẫn đứng vững và tiếp tục đạt được những thành tựu to lớn.

**Chủ đề 3.**

**MĨ, NHẬT BẢN, TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

**I. Nước Mĩ.**

**1. Tình hình kinh tế nước Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.**

- Sau CTTG II, Mĩ thu được 114 tỉ USD lợi nhuận, vươn lên thành nước TB giàu mạnh nhất, đứng đầu hệ thống TBCN. Trong những năm 1945-1950, Mĩ chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp thế giới (56,4%), 3/4 trữ lượng vàng thế giới. Mĩ có lực lượng quân sự mạnh nhất thế giới tư bản và độc quyền vũ khí nguyên tử.

+ Nguyên nhân: Không bị chiến tranh tàn phá, giàu tài nguyên, thừa hưởng các thành quả khoa học kĩ thuật thế giới, thu lợi nhuận từ việc buôn bán vũ khí cho các nước.

- Trong những thập niên tiếp theo, KT Mĩ đã suy yếu và không còn giữ được ưu thế tuyệt đối.

+ Nguyên nhân: sự cạnh tranh của các nước khác, kinh tế Mĩ khủng hoảng, suy thoái, chi phí quá lớn cho chạy đua vũ trang và chiến tranh, sự chênh lệch giàu, nghèo

**2. Chính sách đối đối ngoại của Mĩ sau chiến tranh**

- Nhằm mưu đồ thống trị thế giới, Mĩ đề ra “Chiến lược toàn cầu” với mục tiêu chống phá các nước XHCN, đẩy lùi phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, đàn áp phong trào công nhân và dân chủ, thành lập các khối quân sự gây chiến tranh xâm lược,...

**II. Nhật Bản.**

**1. Tình hình Nhật Bản sau chiến tranh**

- Là nước bại trận, bị tàn phá nặng nề, xuất hiện nhiều khó khăn lớn (thất nghiệp, thiếu thốn lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng,...).

- Dưới chế độ chiếm đóng của Mĩ, nhiều cuộc cải cách dân chủ đã được tiến hành như ban hành Hiến pháp mới (1946) có nhiều nội dung tiến bộ; cải cách ruộng đất, xóa bỏ chủ nghĩa quân phiệt và trừng trị tội phạm chiến tranh; ban hành các quyền tự do dân chủ (Luật Công đoàn, nam nữ bình đẳng...). Những cải cách ấy đã trở thành nhân tố quan trọng giúp NB phát triển mạnh mẽ sau này.

**2. Nhật Bản khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh:**

- Từ đầu những năm 50 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, kinh tế Nhật Bản tăng trưởng mạnh mẽ, được coi là “sự phát triển thần kì”... Cùng với Mĩ và Tây Âu, Nhật Bản trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế - tài chính trên thế giới.

- Những nguyên nhân chính của sự phát triển đó là do: truyền thống văn hóa, giáo dục lâu đời của người Nhật - sẵn sàng tiếp thu những giá trị tiến bộ của thế giới nhưng vẫn giữ được bản sắc dân tộc; con người NB được đào tạo chu đáo và có ý chí vươn lên; sự quản lí có hiệu quả các của các xí nghiệp, công ti; vai trò điều tiết và đề ra các chiến lược phát triển kinh tế của Chính phủ...

- Trong những năm 90 của TK XX, kinh tế Nhật bị suy thoái kéo dài, tốc độ tăng trưởng giảm sút liên tục. Nền kinh tế Nhật Bản đòi hỏi phải có những cải cách theo hướng áp dụng những tiến bộ của khoa học - công nghệ.

**3. Chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau chiến tranh:**

- Nhật Bản thi hành 1 chính sách lệ thuộc vào Mĩ về chính trị và an ninh. Ngày 8 /9/ 1951, Nhật kí với Mĩ “Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật”.

- Từ nhiều thập niên qua, các giới cầm quyền Nhật thi hành chinh sách đối ngoại mềm mỏng về chính trị và tập trung vào phát triển các quan hệ kinh tế đối ngoại.

- Từ đầu những năm 90 của TK XX NB đang nỗ lực vươn lên trở thành một cường quốc chính trị cho tương xứng với vị thế siêu cường kinh tế của mình.

**III. Các nước Tây Âu.**

**1. Tình hình chung:**

- Về kinh tế: Để khôi phục nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá nặng nề, các nước Tây Âu đã nhận viện trợ kinh tế của Mĩ theo “Kế hoạch Mác-san” (16 nước được viện trợ khoảng 17 tỉ USD từ 1848 đến 1951). Kinh tế được phục hồi, nhưng các nước này ngày càng lệ thuộc vào Mĩ.

- Về chính trị: Chính phủ các nước Tây Âu tìm mọi cách thu hẹp các quyền tự do dân chủ, xóa bỏ các cải cách tiến bộ đã thực hiện trước đây, ngăn cản các phong trào công nhân và dân chủ, củng cố thế lực của giai cấp tư sản cầm quyền.

- Về đối ngoại: Nhiều nước Tây Âu đã tiến hành các cuộc chiến tranh tái chiếm thuộc địa. Tham gia khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) nhằm chống lại Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.

- Sau CTTG thứ II, nước Đức bị chia cắt thành 2 nhà nước: CHLB Đức và CHDC Đức, với các chế độ chính trị đối lập nhau. Tháng 10/1990, nước Đức thống nhất, trở thành 1 quốc gia có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh nhất Tây Âu.

**2. Sự liên kết khu vực:**

- Sau chiến tranh, ở Tây Âu xu hướng liên kết khu vực ngày càng nổi bật và phát triển:

+ Tháng 4/1951, “Cộng đồng than, thép châu Âu” được thành lập, gồm 6 nước: Pháp, Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua.

+ Tháng 3/1957, “Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu” và “Cộng đồng kinh tế châu Âu” (EEC) được thành lập, gồm 6 nước trên. Họ chủ trương xóa bỏ dần hàng rào thuế quan, tự do lưu thông hàng hóa, tư bản và công nhân giữa 6 nước.

+ Tháng 7/1967, “Cộng đồng châu Âu” (EC) ra đời trên cơ sở sáp nhập 3 cộng đồng trên.

+ Sau 10 năm chuẩn bị, tháng 12/1991, các nước EC họp Hội nghị cấp cao tại Ma-xtrích (Hà Lan), Cộng đồng châu Âu (EC) đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU) và từ 1/1/1999, đồng tiền chung châu Âu (EURO) ra đời.

- Tới nay, Liên minh châu Âu là 1 liên minh kinh tế - chính trị lớn nhất thế giới, có tổ chức chặt chẽ nhất với 27 nước thành viên.

**Chủ đề 4.**

**QUAN HỆ QUỐC TẾ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

 **I. Sự hình thành trật tự thế giới mới:**

- Vào giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai, nguyên thủ của ba cường quốc là Liên Xô, Anh, Mĩ đã có cuộc gặp gỡ tại I-an-ta (Liên Xô) từ 4 đến 11-2-1945. Hội nghị thông qua quyết định quan trọng về khu vực ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á giữa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ.

- Trật tự 2 cực I-an-ta được hình thành do Mĩ và Liên Xô đứng đầu mỗi cực.

**II. Sự thành lập Liên hợp quốc: (tháng 10 - 1945)**

- Nhiệm vụ: Duy trì hòa bình an ninh thế giới, thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa các nước.

- Vai trò: Giúp đỡ các nước phát triển nền kinh tế, xã hội; giữ gìn hòa bình, an ninh thế giới, đấu tranh xóa bỏ chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

\* Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc từ tháng 9 - 1977 và là thành viên thứ 149.

**III. Chiến tranh lạnh**

- Sau chiến tranh thế giới thứ hai đã diễn ra sự đối đầu căng thẳng giữa hai siêu cường là Mĩ với Liên Xô và hai phe TBCN với XHCN, mà đỉnh điểm là tình trạng chiến tranh lạnh.

- Chiến tranh lạnh là chính sách thù địch của Mĩ và các nước đế quốc trong quan hệ với Liên Xô và các nước XHCN.

- Những biểu hiện của Chiến tranh lạnh là: Mĩ và các nước đế quốc ráo riết chạy đua vũ trang, thành lập các khối và căn cứ quân sự, tiến hành các cuộc chiến tranh cục bộ.

- Hậu quả: Chiến tranh lạnh đã làm tình hình thế giới luôn căng thẳng, với những khoản chi phí khổng lồ, cực kì tốn kém cho chạy đua vũ trang và chiến tranh xâm lược.

**IV.Tình hình thế giới sau Chiến tranh lạnh**

Nhiều xu hướng mới đã xuất hiện như:

- Xu hướng hòa hoãn và hòa dịu trong quan hệ quốc tế.

- Một trật tự thế giới mới đang hình thành và ngày càng theo chiều hướng đa cực, đa trung tâm.

- Dưới tác động của cách mạng khoa học - công nghệ, hầu hết các nước đều điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế, lấy kinh tế làm trọng điểm.

- Từ đầu những năm 90 của TK XX ở nhiều khu vực (như châu Phi, Trung Á,...) lại xảy ra các cuộc xung đột, nội chiến đẫm máu với những hậu quả nghiêm trọng

\* Tuy nhiên, xu thế chung của thế giới ngày nay là hòa bình ổn định và hợp tác phát triển.

**Chủ đề 5.**

**CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC - KĨ THUẬT TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

**I. Những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học - kĩ thuật.**

\* Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật đã diễn ra với những nội dung phong phú và toàn diện, tốc độ phát triển hết sức nhanh chóng và những hệ quả về nhiều mặt là không thể lường hết được.

\* Những thành tựu chủ yếu của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật là:

- Những phát minh to lớn trong lĩnh vực khoa học cơ bản như Toán học, Vật lí, Hóa học và Sinh học (cừu đô-li ra đời bằng phương pháp sinh sản vô tính, bản đồ gen người,...).

- Những phát minh lớn về công cụ sản xuất mới như: máy tính điện tử, máy tự động và hệ thống máy tự động,..

- Tìm ra những nguồn năng lượng mới hết sức phong phú như: năng lượng nguyên tử, năng lượng mặt trời, năng lượng gió,...

- Sáng chế ra những vật liệu mới như: pôlime (chất dẻo), những vật liệu siêu bền, siêu nhẹ, siêu dẫn, siêu cứng,...

- Tiến hành cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp.

- Những tiến bộ thần kì trong giao thông vận tải và thông tin liên lạc (máy bay siêu thanh, tàu siêu tốc, mạng In-ter-net,...).

- Những thành tựu kì diệu trong lĩnh vực du hành vũ trụ.

**II. Ý nghĩa và tác động của cách mạng khoa học - kĩ thuật.**

\* Ý nghĩa, tác động tích cực:

- Cho phép thực hiện những bước nhảy vọt về sản xuất và năng suất lao động, nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của con người.

- Đưa đến những thay đổi lớn về cơ cấu dân cư lao động trong nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

\* Hậu quả tiêu cực (chủ yếu do con người tạo ra): Chế tạo ra các loại vũ khí hủy diệt; khai thác cạn kiệt tài nguyên, hủy diệt và làm ô nhiễm môi trường sinh thái; những tai nạn lao động và giao thông; các loại dịch, bệnh mới,... Trong đó hậu quả tiêu cực lớn nhất là cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, sinh thái.

**LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY**

**Chủ đề 1.**

**VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1919 - 1930.**

 **I. Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.**

**1. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp.**

**\* Nguyên nhân:**

Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, Pháp tuy là nước thắng trận, nhưng bị tàn phá nặng nề, nền kinh tế kiệt quệ, tư bản Pháp đẩy mạnh chương trình khai thác thuộc địa để bù đắp những thiệt hại do chiến tranh gây ra.

\* **Chính sách khai thác của Pháp:**

**-** Trong nông nghiệp, Pháp tăng cường đầu tư vốn, chủ yếu vào đồn điền cao su, làm cho diện tích trồng cây cao su tăng lên nhanh chóng.

- Trong công nghiệp, Pháp chú trọng khai mỏ, số vốn đầu tư tăng; nhiều công ti mới ra đời. Pháp còn mở thêm một số cơ sở công nghiệp chế biến.

- Về thương nghiệp, phát triển hơn trước; Pháp độc quyền, đánh thuế nặng hàng hóa các nước nhập vào Việt Nam.

- Trong giao thông vận tải, đầu tư phát triển thêm đường sá, cầu cống, bến cảng; đường sắt xuyên Đông Dương được nối liền nhiều đoạn.

**-**Về ngân hàng, ngân hàng Đông Dương nắm độc quyền chỉ huy các ngành kinh tế Đông Dương

**\* So sánh với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất về mục đích, quy mô:**

**- Mục đích:**Nếu như cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp tuân theo quy luật chung của chủ nghĩa đế quốc, đó là  biến thuộc địa thành nguồn cung cấp tài nguyên cho nền công nghiệp của mình và đồng thời là thị trường tiêu thụ các sản phẩm của nền công nghiệp đó; thì cuộc khai thác lần thứ hai chủ yếu để bù đắp những thiệt hại do chiến tranh gây ra đối với nền kinh tế nước Pháp. Tuy nhiên, mục đích chung vẫn giống nhau ở chỗ đều là vơ vét, bóc lột các thuộc địa.

**- Quy mô, mức độ:**

         Đợt khai thác lần thứ hai có quy mô lớn hơn rất nhiều. Tổng số vốn được đầu tư vào Việt Nam từ 1919 đến 1929 lên đến 8 tỷ FR. Điểm giống nhau là số vốn đầu tư đều chú trọng vào việc khai thác mỏ, đồn điền cao su. Các đồn điền cao su được mở rộng. Diện tích trồng cao su từ 15.000 hecta năm 1924 lên đến 120.000 hecta vào năm 1930. Hoạt động khai thác mỏ cũng phát triển tăng vọt. Vào năm 1923 có 496 mỏ được khai thác thì đến năm 1929 có đến 17.685 mỏ. Đa số các mỏ ấy tập trung ở Bắc Kì.

           Nếu như đợt khai thác lần thứ nhất, Pháp chủ yếu xuất khẩu những sản phẩm thô, công nghệ chế biến tại chỗ không được chú ý. Chỉ một số rất ít được thành lập như các hãng xay xát lúa tại Nam Kì, một vài hãng dệt ở Bắc Kì thì đợt khai thác lần hai đã mở thêm một số cơ sở chế biến lớn hơn.

         Mạng lưới giao thông vận tải, đường sá lần thứ hai được đầu tư thêm đường sắt nối Đông Dương ở một số đoạn. Còn về cơ bản, cả hai lần khai thác thuộc địa đều giống nhau về chính sách độc quyền thương mại, đánh thuế nặng hàng hóa nhập khẩu... Và đặc biệt là tài nguyên thiên nhiên bị bóc lột cạn kiệt, nông nghiệp giẫm chân tại chỗ, công nghiệp phát triển nhỏ giọt, què quặt, thiếu hẳn công nghiệp nặng. Nền kinh tế Việt Nam cơ bản vẫn là nền sản xuất nhỏ, lạc hậu, phụ thuộc.

**2. Các chính sách chính trị, văn hóa, giáo dục.**

- Về chính trị, Pháp thực hiện chính sách “chia để trị”, thâu tóm mọi quyền hành, cấm đoán mọi quyền tự do dân chủ, thẳng tay đàn áp, khủng bố,...

- Về văn hóa giáo dục, Pháp khuyến khích các hoạt động mê tín dị đoan, các tệ nạn xã hội, hạn chế mở trường học,... lợi dụng sách báo để tuyên truyền chính sách “khai hóa” của thực dân và gieo rắc tư tưởng hòa bình, hợp tác với Pháp...

**3. Xã hội Việt Nam phân hóa.**

- Giai cấp địa chủ phong kiến ngày càng câu kết chặt chẽ  và làm tay sai cho Pháp, áp bức bóc lột nhân dân. Có một bộ phận nhỏ có tinh thần yêu nước.

- Tầng lớp tư sản ra đời sau chiến tranh, trong quá trình phát triển phân hóa thành hai bộ phận: tư sản mại bản làm tay sai cho Pháp, tư sản dân tộc ít nhiều có tinh thần dân tộc, dân chủ chống đế quốc và phong kiến.

- Tầng lớp tiểu tư sản thành thị, tăng nhanh về số lượng, nhưng bị chèn ép, bạc đãi, đời sống bấp bênh. Bộ phận trí thức, sinh viên, học sinh có tinh thần hăng hái cách mạng và là một lực lượng của cách mạng.

- Giai cấp nông dân chiếm trên 90 % dân số, bị thực dân, phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề. Họ bị bần cùng hóa, đây là lực lượng hăng hái và đông đảo của cách mạng.

- Giai cấp công nhân ngày càng phát triển, bị áp bức và bóc lột, có quan hệ gắn bó với nông dân, có truyền thống yêu nước,... vươn lên thành giai cấp lãnh đạo cách mạng.

**II. Phong trào cách mạng Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.**

**1. Ảnh hưởng của Cánh mạng tháng Mười Nga và phong trào cách mạng thế giới.**

- Cách mạng XHCN tháng Mười Nga thành công đã thức tỉnh nhân dân Việt Nam...

- Phong trào cách mạng thế giới: tháng 3 - 1919, Quốc tế Cộng sản thành lập; Đảng Cộng sản ra đời ở nhiều nước (Pháp 1920, Trung Quốc 1921), tạo điều kiện cho việc truyền bá tư tưởng Mác - Lê-nin vào Việt Nam.

**2. Phong trào dân tộc, dân chủ công khai (1919 - 1925).**

- Giai cấp tư sản dân tộc chủ yếu đấu tranh đòi quyền lợi về kinh tế như (phong trào chấn hưng hàng nội hóa, bài trừ ngoại hóa). Để tranh thủ sự ủng hộ của  quần chúng nhằm gây áp lực với Pháp, tư sản dân tộc đã thành lập Đảng Lập hiến, đưa ra một số khẩu hiệu đòi tự do, dân chủ, nhưng khi được Pháp nhượng bộ cho một số quyền lợi, họ lại sẵn sàng thỏa hiệp.

- Tầng lớp tiểu tư sản trí thức: tập hợp trong những tổ chức chính trị như Hội Phục Việt, Hội Hưng Nam, Việt Nam Nghĩa đoàn, Đảng Thanh niên... với nhiều hoạt động phong phú, sôi nổi:

+ Xuất bản những tờ báo tiến bộ để cổ vũ tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

+ Tiếng bom của Phạm Hồng Thái ở Sa Diện (Quảng Châu - Trung Quốc) (tháng 6 - 1924) đã mở màn cho một thời kì đấu tranh mới của dân tộc.

+ Đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925) và đám tang Phan Châu Trinh (1926) v.v...

**3. Phong trào công nhân (1919 - 1925).**

- Do bị áp bức, bóc lột nặng nề, lại được sự cổ vũ của các cuộc đấu tranh của công nhân, thủy thủ ở Pháp và (Hương Cảng - Trung Quốc); ở Nam Định, Hà Nội, Hải Dương, Sài Gòn,... phong trào công nhân có những bước phát triển mới. Không chỉ đơn thuần là đòi quyền lợi kinh tế mà còn các quyền khác, thành lập tổ chức Công hội bí mật...

- Cuộc đấu tranh của công nhân ở thời kì này tuy còn lẻ tẻ, rời rạc, nhưng ý thức giai cấp đã phát triển nhanh chóng làm cơ sở cho các tổ chức và các phong trào chính trị cao hơn sau này.

- Năm 1925, cuộc bãi công của thợ máy xưởng Ba Son ở Sài Gòn thắng lợi, đã đánh dấu một bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam - giai cấp công nhân nước ta từ đây bước đầu đi vào đấu tranh có tổ chức và có mục đích chính trị rõ ràng.

**III. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài (1919 - 1925).**

**1. Nguyễn Ái Quốc ở Pháp (1917 - 1923).**

- Tháng 6 - 1919, Nguyễn Ái Quốc thay mặt những người Việt Nam yêu nước sống ở Pháp gửi tới Hội nghị Véc-xai bản yêu sách đòi Chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam.

- Tháng 7 - 1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Từ đó, Nguyễn Ái Quốc đã hoàn toàn tin theo Lê-nin và đứng về Quốc tế thứ ba.

- Tháng 12 - 1920, tại Đại hội của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp. Như vậy, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước: đó là con đường CM vô sản, kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

- Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc sáng lập ra Hội liên hiệp Thuộc địa, làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Người cùng khổ, viết bài cho các báo Nhân đạo, viết Bản án chế độ thực dân Pháp. Các sách báo trên được bí mật chuyển về Việt Nam.

**2. Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô (1923 - 1924).**

- Tháng 6 - 1923, Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân, sau đó ở lại Liên Xô vừa học tập nghiên cứu vừa làm việc (viết bài cho báo Sự thật và tạp chí Thư tín Quốc tế).

- Năm 1924, tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V, Nguyễn Ái Quốc đã đọc tham luận vềvị trí chiến lược của cách mạng ở các nước thuộc địa và mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốcvớ*i* phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa

- Những quan điểm cơ bản về chiến lược và sách lược cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa và cách mạng vô sản mà Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận được dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là bước chuẩn bị về chính trị và tư tưởng cho sự thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam.

**3. Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc (1924 - 1925).**

- Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc). Tại đây, Người đã tiếp xúc với các nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam và thanh niên yêu nước mới sang để thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên mà nòng cốt là tổ chức Cộng sản đoàn (6 - 1925).

- Người đã lập ra báo Thanh niên, trực tiếp mở nhiều lớp huấn luyện chính trị để đào tạo cán bộ cách mạng. Các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc đã được tập hợp và in thành sách Đường Kách mệnh (1927), nêu ra phương hướng cơ bản của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam.

- Năm 1928, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã tiến hành “vô sản hóa”, góp phần thực hiện việc kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước, thúc đẩy nhanh việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

**IV. Cách mạng Việt Nam trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.**

**1. Bước phát triển mới của phong trào cách mạng Việt Nam (1926 - 1927).**

- Trong hai năm 1926 - 1927, nhiều cuộc bãi công của công nhân liên tiếp nổ ra như các cuộc bãi công của nhà máy sợi Nam Định, đồn điền cao su Cam Tiêm và Phú Riềng,...

- Phong trào mang tính thống nhất trong toàn quốc và mang tính chính trị, có sự liên kết với nhau ở nhiều ngành, nhiều địa phương. Tình hình đó chứng tỏ trình độ giác ngộ của giai cấp công nhân đã nâng lên.

- Phong trào nông dân, tiểu tư sản và các tầng lớp nhân dân yêu nước khác phát triển thành một làn sóng cách mạng dân tộc dân chủ khắp cả nước, nhiều tổ chức cách mạng lần lượt ra đời.

**2. Tân Việt Cách mạng Đảng (7 - 1928).**

\* Hội Phục Việt: sau nhiều lần đổi tên, đến tháng 7 - 1928, lấy tên là Tân Việt Cách mạng Đảng. Thành phần của đảng chủ yếu là những trí thức trẻ và thanh niên tiểu tư sản yêu nước. Địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kì.

\* Hoạt động:

- Khi mới thành lập, mới là một tổ chức yêu nước, chưa có lập trường giai cấp rõ rệt.

- Do ảnh hưởng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, nhiều đảng viên của Tân Việt đã đi theo Hội.

- Nội bộ Tân Việt đã phân hóa thành hai khuynh hướng: khuynh hướng cải lương (đứng trên lập trường quốc gia tư sản) và khuynh hướng vô sản.

- Những đảng viên tích cực nhất của Tân Việt đã họp lại, chuẩn bị thành lập một Đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

**3. Ba tổ chức cộng sản nối tiếp nhau ra đời trong năm 1929.**

\* Hoàn cảnh: Cuối năm 1928 đến đầu năm 1929, phong trào dân tộc, dân chủ ở nước ta, đặc biệt là phong trào công nhân đi theo con đường cách mạng vô sản phát triển mạnh, đặt ra yêu cầu phải có một chính đảng của giai cấp vô sản để lãnh đạo cách mạng.

\* Quá trình ra đời:

**Sự ra đời của Đông Dương cộng sản Đảng( 6/1929)**

Cuối tháng 3/1929, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Bắc Kỳ, trong đó có Ngô Gia Tự và Nguyễn Đức Cảnh đã họp ở số 5D phố Hàm Long (Hà Nội) để lập ra chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam gồm 7 người, tích cực chuẩn bị tiến tới thành lập một ĐCS thay thế cho Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Tại đại hội toàn quốc lần thứ 1 của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (5/1929) khi kiến nghị của mình đưa ra về việc thành lập Đảng cộng sản không được chấp nhận, đoàn đại biểu Bắc Kỳ đã rút khỏi hội nghị về nước, rồi ra lời kêu gọi công nhân, nông dân, các tầng lớp nhân dân cách mạng nước ta ủng hộ chủ trương thành lập Đảng cộng sản.

Ngày 17/6/1929 đại biểu các tổ chức cơ sở cộng sản ở miền Bắc họp đại hội, quyết định thành lập Đông Dương cộng sản Đảng thông qua tuyên ngôn, điều lệ của Đảng, ra báo Búa liềm làm cơ quan ngôn luận. Đông Dương cộng sản Đảng ra đời đáp ứng yêu cầu bức thiết của quần chúng nên được nhiệt liệt hưởng ứng, uy tín và tổ chức của Đảng phát triển mạnh, nhất là ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

**Sự ra đời của An Nam cộng sản Đảng (8/1929)**

Sự thành lập của Đông Dương cộng sản Đảng đã tạo đà trực tiếp với sự ra đời các tổ chức cộng sản tiếp theo. Tháng 8/1929 hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Trung Quốc và ở Nam Kì quyết định thành lập An Nam Cộng sản Đảng.

**Sự thành lập Đông Dương cộng sản liên đoàn**

Sự phân hóa trong Hội Việt Nam cách mạng thanh niên dẫn tới sự ra đời của hai tổ chức cộng sản: Đông Dương cộng sản Đảng ( 6/1929) và An Nam cộng sản Đảng ( 8/1929). Cũng từ đó xu hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng lôi cuốn những đảng viên tiên tiến trong Tân Việt cách mạng Đảng. Các đảng viên tiên tiến của Đảng Tân Việt, từ lâu chịu ảnh hưởng của Hội VNCMTN nay cũng tách ra để thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn (9/1929).

Như vậy, chỉ trong vòng không đấy bốn tháng (từ tháng 6 đến 9/1929) đã có 3 tổ chức cộng sản lần lượt ra đời ở nước ta.

***\* Ý Nghĩa***

Sự ra đời của 3 tổ chức cộng sản là xu thế khách quan của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam, là kết quả của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lê nin và phong trào công nhân, phong trào yêu nước ở nước ta. Sự ra đời đó đã khẳng định bước phát triển nhảy vọt của cách mạng nước ta. Từ đây cách mạng Việt Nam đã xuất hiện những tổ chức chính trị của giai cấp vô sản, đó là các tổ chức cộng sản. Đồng thời, sự ra đời của ba tổ chức cộng sản đã chứng tỏ hệ tư tưởng vô sản đã giành được ưu thế trong phong trào dân tộc dân chủ ở nước ta. Với sự ra đời này, đã tạo điều kiện để đưa đến sự thành lập một Đảng cộng sản duy nhất ở nước ta vào đầu 1930.

**ĐỀ KIỂM TRA 45 PHÚT**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm)**

**Hãy chọn đáp án đúng nhất (3.0 điểm)**

**Câu 1.** Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo lên khoảng không vũ trụ vào thời gian nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Năm 1955B. Năm 1957 | C. Năm 1960D. Năm 1961 |

**Câu 2**. Chế độ XHCN ở Liên Xô tồn tại bao nhiêu năm?

|  |  |
| --- | --- |
|  A. 71 năm B. 72 năm | C. 73 nămD. 74 năm |

**Câu 3.** Vì saonăm 1960 đã đi vào lịch sử với tên gọi là "Năm châu Phi"?

A. Có nhiều nước ở châu Phi được trao trả độc lập.

B. Có phong trào giải phóng dân tộc phát triển sớm nhất, mạnh nhất.

C. Có 17 nước ở châu Phi tuyên bố độc lập.

D. Châu Phi là "Lục địa mới trỗi dậy".

**Câu 4.** Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập 1949, do ai đứng đầu?

|  |  |
| --- | --- |
|  A. Trương Văn Thiên. B. Mao Trạch Đông | C. Hoa Quốc PhongD. Đặng Tiểu Bình |

**Câu 5**. Hiệp hội các nước Đông Nam Á được hình thành vào thời gian nào?

|  |  |
| --- | --- |
|  A. 8-8-1965. B. 8-8-1967 | C. 8-8- 1968D. 8-8-1969 |

**Câu 6.** Sau khi giành được độc lập, các nước châu Phi tiến hành công việc gì?

1. Tiếp tục đấu tranh chống đế quốc thực dân
2. Bắt tay xây dựng đất nước, phát triển kinh tế xã hội
3. Ký các hiệp định phụ thuộc vào Mĩ
4. Tiến hành chiến tranh liên miên

**Câu 7.** Vì sao từ đầu những năm 60 đến những năm 80 của thế kỉ XX, Mĩ La-tinh được ví như “Lục địa bùng cháy”

1. Cách mạng Cu-ba thắng lợi.
2. Mĩ biến Mĩ Latinh thành sân sau.
3. Bùng nổ cao trào đấu tranh lật đổ chế độ độc tài thân Mĩ.
4. Mĩ thành lập Liên minh vì tiến bộ.

**Câu 8.**Đặc điểm nổi bật của nền kinh tế Mĩ so với Tây Âu và Nhật Bản là gì?

1. Kinh tế Mĩ phát triển đi đôi với phát triển quân sự
2. Kinh tế Mĩ phát triển nhanh và luôn giữ vững địa vị hàng đầu
3. Kinh tế Mĩ bị các nước tư bản Tây Âu và Nhật Bản cạnh tranh gay gắt
4. Kinh tế Mĩ phát triển nhanh, nhưng thường xuyên xảy ra suy thoái

**Câu 9.** Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm nổi bật trong quan hệ đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Không đưa quân đi tham chiến ở nước ngoài.

B. Kí hiệp ước an ninh Mĩ-Nhật (08/09/1951)

C. Cạnh tranh gay gắt với Mĩ và các nước Tây Âu.

D. Đầu tư viện trợ cho các nước, đặc biệt là Đông Nam Á.

**Câu 10**. Khi nhận viện trợ kinh tế của Mĩ theo kế hoạch Mác-san, quan hệ giữa các nước Tây Âu và Mĩ như thế nào?

1. Các nước Tây Âu ngày càng lệ thuộc vào Mĩ
2. Các nước Tây Âu bình đẳng với Mĩ
3. Mĩ phụ thuộc vào các nước Tây Âu
4. Mĩ và Tây Âu đối địch với nhau

**Câu 11*.*** Hội nghị Ianta được tiến hành giai đoạn nào của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai?

1. Chiến tranh thế giới thứ hai chuẩn bị diễn và bùng nổ
2. Chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu bùng nổ
3. Chiến tranh thế giới thứ hai đang diễn ra quyết liệt
4. Chiến tranh thế giới thứ hai vào giai đoạn cuối của chiến tranh.

**Câu 12.** Vì sao Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

 A. Để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

 B. Để bù đắp thiệt hại do Chiến tranh thế giới thứ nhất gây ra ở chính quốc.

 C. Để cạnh tranh với các nước tư bản khác.

 D. Để biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa cho Pháp.

 **Câu 13.****(1.0 điểm)**

Điền và ghi lại vào bài làm thông tin phù hợp vào bảng thể hiện những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài trong những năm 1919 – 1925.

|  |  |
| --- | --- |
| Thời gian | Sự kiện |
| (1). . . . . . . .  | - Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin.  |
| 12/ 1920 | (2).. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . |
| (3).. . . . .. .  | Nguyễn Ái Quốc rời Pháp sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế Nông dân và được bầu vào Ban Chấp hành |
| 6/1925 | (4) .. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . |

**PHẦN II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

**Câu 1. (4,0 điểm**)

 Trình bày hoàn cảnh ra đời và mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của tổ chức ASEAN? Việt Nam có cơ hội và thách thức gì khi gia nhập tổ chức ASEAN ?

**Câu 2. (2,0 điểm**)

Liên hợp quốc có nhiệm vụ như thế nào? Việt Nam tham gia Liên hợp quốc vào thời gian nào? Những việc làm của Liên hợp quốc giúp đỡ nhân dân Việt Nam mà em biết ?

----------------- Hết-----------------